

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-10-2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trọng Lâm.

Ông Lê Dũng Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
T.

Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương
Thị Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/10/2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện T,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2018/TLST- HNGĐ ngày 14
tháng 8 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo
quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm
2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Thanh H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 75/15, tổ A, ấp T1, xã P, T, Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Lâm Quốc K**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 75/15, tổ A, ấp T1, xã P, T, Đồng Nai.

(Tại phiên tòa có mặt chị H; anh K có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 13/8/2018, các lời khai trong quá trình tố tụng
và tại phiên tòa hôm nay ý kiến của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh K tự nguyện kết hôn năm 2012 và có
đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng chị sinh sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu xảy ra mâu
thuẫn nguyên nhân là do anh K suốt ngày đi chơi với bạn bè mà không lo cho
cuộc sống gia đình, chị có khuyên can, động viên anh K đi làm để lo cho gia
đình nhưng anh K vẫn không đồng ý. Vì con đang còn nhỏ nên chị cố gắng chịu
đựng để lo cho gia đình, con chị có cha và mẹ, nhưng càng ngày anh K càng đi
chơi nhiều hơn, cho nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị và anh K
đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- *Về con chung*: Chị và anh K có 02 người con chung tên Lâm Gia B – sinh ngày 03/5/2013 và Lâm Gia H1 – sinh ngày 27/02/2017, hiện nay cháu B đang sống chung với anh K còn cháu H1 đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu H1 và đồng ý giao cháu B cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2018 và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/9/2018 bị đơn anh K trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị H tự nguyện kết hôn năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng anh sinh sống hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là chị H đi nhậu với bạn bè nhưng nói dối với anh là chở con đi chơi, khi về nhà do tức giận anh có xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị H, sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H tại xã P sinh sống mà không quay về sống chung với anh nữa, cho nên anh và chị H đã không còn sống chung với nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với chị H vì khi ly hôn con cái anh sẽ khổ.

- *Về con chung*: Anh và chị H có 02 người con chung tên Lâm Gia B – sinh ngày 03/5/2013 và Lâm Gia H1 – sinh ngày 27/02/2017. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu B và đồng ý giao cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K. Ngày 05/9/2018 anh K đã tham gia phiên hòa giải nhưng anh K vẫn giữ nguyên ý kiến của mình không đồng ý ly hôn với chị H. Tòa án đã mở Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/10/2018 nhưng anh K vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: + CMND của chị H (bản sao); + 01 sổ hộ khẩu (bản sao); + 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); + 02 giấy khai sinh (Bản sao). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản ghi lời khai của chị H, anh K ngày 29/8/2018. Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị H không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự . Các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh K.

+ *Về con chung*: Giao cháu Lâm Gia H1 sinh ngày 27/02/2017 cho chị Lê Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lâm Gia B – sinh ngày 03/5/2013 cho anh Lâm Quốc K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị H, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh K và chị H không có.

+ *Về án phí*: Chị H phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa chị H không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị H có đơn khởi kiện ly hôn , tranh chấp về việc nuôi con với anh K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và xác định chị H là nguyên đơn, anh K là bị đơn.

[1.2] Anh K là bị đơn , có nơi cư trú tại ấp T1, xã P, T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự , thì Tòa án nhân dân huyện T có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Anh K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định của pháp luật.

[2] *Về áp dụng pháp luật nội dung*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K tự nguyện chung sống với nhau từ 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/6/2012. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh K được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Chị H yêu cầu ly hôn với lý do, anh K suốt ngày đi chơi với bạn bè mà không lo cho cuộc sống gia đình, chị có khuyên can, động viên anh K đi làm để lo cho gia đình nhưng anh K vẫn không đồng ý. Chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay . Nay chị không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống và có nguyện vọng ly hôn.

Anh K cũng cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là chị H đi nhậu với bạn bè nhưng nói dối với anh là chở con đi chơi, khi về nhà do tức giận anh có xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị H, sau đó chị H bỏ nhà đi mà không về sống chung với anh nữa. Anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì lý do ly hôn sẽ làm con anh khổ.

Xét thấy, chị H và anh K hiện nay đã không còn sống chung với nhau, bản thân chị H và anh K cũng không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung, anh K không đồng ý ly hôn với chị H vì lý do ly hôn sẽ làm con anh khổ. Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện cuộc sống giữa chị H và anh K có xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay.

Như vậy, có căn cứ xác định chị H và anh K đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị H, anh K có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh K.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh K có 02 người con chung là Lâm Gia B – sinh ngày 03/5/2013 và Lâm Gia H1 – sinh ngày 27/02/2017. Chị H và anh K thỏa thuận và nhất trí giao cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu B cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn, chị H và anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị H và anh K sống ly thân, thì cháu H1 do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu B do anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho các con, tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lâm Gia H1 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lâm Gia B cho anh K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị H chịu án phí DSST về yêu cầu ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Thanh H được ly hôn với anh Lâm Quốc K.

- *Về con chung:* Chị H và anh K có 02 người con chung là Lâm Gia B – sinh ngày 03/5/2013 và Lâm Gia H1 – sinh ngày 27/02/2017. Nay giao cháu Lâm Gia H1 sinh ngày 27/02/2017 cho chị Lê Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lâm Gia B – sinh ngày 03/5/2013 cho anh Lâm Quốc K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị H, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh K được quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chị H, anh K có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

2/ Về án phí: Chị Lê Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 007143 ngày 13/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được chuyển thành án phí.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P (để ghi vào sổ hộ tịch; số 66, quyển số 01/2012 ngày 14/6/2012);
- Lưu HS – LT.

Nguyễn Văn Nam